

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018 /HNGĐ- ST

Ngày 12 tháng 02 năm 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* ông Đỗ Thế Bình.
- + *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Đức Hùng, ông Ngô Mạnh Hải.
- + *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị M Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TS.
- + *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Cao Khải- Kiểm sát viên.

Ngày 12/02/2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2016/QĐST- HNGĐ ngày 08/01/2018 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T- Sinh năm 1992.

Trú tại: Khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn B- Sinh năm 1988.

Trú tại: Khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh (được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị T cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Sau một thời gian tìm hiểu, đầu năm 2011 chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn B đi đến quan hệ hôn nhân, việc kết hôn giữa chị T và anh B là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Đình Bảng, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định.

Sau khi kết hôn, chị T về sống cùng gia đình anh Nguyễn B ở khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu chung sống đời

sống vợ chồng bình thường, từ năm thứ hai trở đi vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ban đầu mâu thuẫn vợ chồng chỉ xuất phát từ quán điểm nuôi dạy con cái và xây dựng kinh tế gia đình, nhưng càng về sau mức độ mâu thuẫn ngày một căng thẳng và trầm trọng. Nguyên nhân do anh Nguyễn B lao vào con đường nghiện hút, sử dụng ma túy, thiếu trách nhiệm gia đình, lêu lổng không chịu làm ăn thường đi thâu đêm suốt sáng, hết tiền lại về nhà hạch sách yêu cầu chị đưa tiền, chị không đáp ứng được anh lại gây gỗ đánh, chửi chị. Chị T và gia đình nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng anh B không những không từ bỏ được ma túy mà ngày càng lún sâu hơn, thời gian anh vắng nhà cũng nhiều hơn, cứ mỗi lần về nhà lại viện cớ ghen tuông bạo hành chị, tần suất đánh đập chửi bới ngày một nhiều, cường độ bạo hành ngày một một dã man. Không chịu nổi tình trạng bạo hành của anh B, đầu tháng 10/2017 chị T tạm ngừng việc kinh doanh của bản thân về nhà bố mẹ để ở xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh sống, chị và anh B ly thân thân đó, trong thời gian chị về nhà bố mẹ để sống anh B còn nhiều lần xuống đe dọa, chửi bới và phá phách đồ đạc của gia đình. Nay thấy đời sống tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn B.

* Về con chung: Vợ chồng có với nhau hai con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 04/12/2012 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/05/2015. Hiện cả hai cháu đang sống cùng ông bà nội tại khu phố Tân Lập, Đình Bảng, TS, Bắc Ninh. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, nguyện vọng của chị T muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu giải quyết.

* Về tài chung, công nợ, trích chia công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo và nhiều lần triệu tập anh Nguyễn B đến làm việc nhưng anh B đều vắng mặt, qua xác M, làm việc với đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi vợ chồng cư trú được bà Mai Thị M Nguyệt là mẹ đẻ, bà Mai Thị T Lan là dì ruột của anh Nguyễn B cũng như đại diện khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thị xã TS cho biết: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng, quá trình chung sống anh B thường xuyên có hành vi bạo hành đánh đập, chửi bới vợ, nhiều lần anh B có hành vi dùng hung khí là gây gỗ đánh, nhốt không cho chị T ra khỏi nhà. Gần đây nhất anh còn đánh làm chị T bị thương phải vào cơ sở y tế điều trị, gia đình và chính quyền nhiều lần khuyên giải nhưng anh B tỏ ra là đối tượng hung hăng, coi thường pháp luật không tiếp thu sửa chữa. Xét đời sống hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đại diện gia đình và khu phố đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị T ly hôn với anh Nguyễn B và giao hai con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

Tại phiên toà chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và giao hai con chung là cháu Nguyễn Đức M và cháu Nguyễn

Đức T cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Ngoài ra chị T không yêu cầu vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa anh Nguyễn B đã được Tòa án thông báo và triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vụ án vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

Cũng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TS đánh giá việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành, thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là nghiêm chỉnh, của bị đơn là anh Nguyễn B là không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn B.

+ Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Đức M và cháu Nguyễn Đức T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ, trích chia công sức chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

+ Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào thẩm quyền giải quyết vụ án quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về ly hôn và giao con chung khi ly hôn, Tòa án nhân dân thị xã TS thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc, thẩm quyền theo cấp tòa án và thẩm quyền theo lãnh thổ.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn B đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng hay vì sự kiện bất khả kháng, căn cứ Điều

227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định T hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn B theo thủ tục chung.

+ Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn B kết hôn ngày 09/02/2011, việc kết hôn giữa các bên là tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn, được UBND cấp có thẩm quyền làm thủ tục và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn B là hợp pháp, nếu một trong các bên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết theo luật định.

Xét đời sống tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thấy, sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh B tại: Khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh. Chung sống với nhau được một thời gian thì đời sống tình cảm vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B nghiện hút chất ma túy, thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi lang thang về lại bạo hành đánh chửi, đe dọa vợ (với tần xuất và mức độ bạo hành ngày một nhiều và nghiêm trọng hơn) làm chị T đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần dẫn đến cuối năm 2017 chị T phải tạm ngừng công việc làm ăn kinh doanh về sống với bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Như vậy có thể khẳng định đời sống tình cảm giữa chị T và anh Nguyễn B không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn của hôn nhân không đạt được nên cần chấp đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn B.

Về con chung: Chị T và anh Nguyễn B có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Đức M sinh ngày 04/12/2012 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/05/2015, hiện cả hai cháu đang ở cùng bố, mẹ đẻ của anh B ở khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh.

Xét điều kiện, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung của các bên thì thấy: Anh Nguyễn B là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, thường lang thang giao du với các đối tượng xấu trong xã hội, thiếu trách nhiệm với bản thân và gia đình nếu giao một trong các con cho anh Nguyễn B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì không đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện cho con chung. Tại phiên tòa chị T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con là Nguyễn Đức M và Nguyễn Đức T sau ly hôn, xét thấy là phù hợp và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu nên cần chấp nhận. Về đóng góp nuôi con do chị T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Không yêu cầu nên cũng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 227, 228, 235, 236, 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

* Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Nguyễn B.

* Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 04/12/2012 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

* Về đóng góp chi phí nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

* Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Không yêu cầu nên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2013/03216 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TS.

Trong trường hợp bản án được thi hành được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Ninh
- VKSND thị xã TS;
- THADS thị xã TS;
- Đương sự:
- UBND phường Đình Bảng- TXTS;
- Lưu HS, VP..

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thế Bình

▪

-